

Bản án số: 23/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 23 - 5 - 2019.
Về việc tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Giang.

Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lệ Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 103/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Đội ĐT, thôn TH, xã PK, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 6, xã NX, huyện CK, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở: Xí nghiệp BH, xã NH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị ý kết hôn với Nguyễn Xuân T trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NX, huyện CK, tỉnh Phú Thọ ngày 23/8/2011. Sau khi cưới anh chị thuê nhà trọ

tại xã NH, huyện ĐA, Hà Nội để chung sống và thuận tiện cho việc đi làm. Quá trình chung sống giữa anh chị nảy sinh mâu thuẫn.

Theo chị L trình bày: Anh chị đã có những mâu thuẫn từ khi chung sống cùng nhau do chưa hòa hợp trong lối sống và làm ăn kinh tế, sau đó vào năm 2012 chị phát hiện anh T có biểu hiện ngoại tình khiến quan hệ vợ chồng căng thẳng hơn tuy nhiên chị không có chứng cứ gì để nộp cho Tòa án. Khoảng cuối năm 2015, chị quyết định đi lao động ở nước ngoài để cải thiện kinh tế gia đình và vợ chồng có thời gian suy nghĩ lại về quan hệ với nhau. Tuy nhiên trong thời gian chị ở nước ngoài do chị đi chơi với bạn bè nhưng anh T hiểu lầm nên anh ngăn cản không cho chị liên lạc với anh để gặp con qua điện thoại, đối xử không đúng mực với bố mẹ chị và chị khiến tình trạng vợ chồng ngày càng căng thẳng. Khi chị về nước tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị vẫn không cải thiện, anh chị sống ly thân cho đến nay. Việc anh chị mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay quan điểm của chị L là chị và anh T không còn tình cảm với nhau nên không thể chung sống có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được nên chị xin ly hôn.

Theo anh Nguyễn Xuân T trình bày: Chị L đi xuất khẩu lao động và ngoại tình nên khi về nước đã nộp đơn xin ly hôn với anh. Anh không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị L cố tình thì anh mặc kệ, không tham gia. Lý do anh không muốn ly hôn là sau này không muốn ảnh hưởng đến con.

Về con chung: Anh chị thống nhất trình bày vợ chồng có một con chung là: Nguyễn Ngọc Hà M, sinh ngày 02/7/2012. Cháu khỏe mạnh, bình thường và hiện đang ở cùng anh T. Cháu M vẫn ở cùng anh T từ khi chị L đi xuất khẩu lao động cho đến nay. Ly hôn chị L cũng có nguyện vọng được nuôi con nhưng chị xác định nếu anh T không đồng ý thì chị nhất trí để anh T nuôi con và chị cấp dưỡng nuôi con nhưng ngày 14/5/2019 chị L thay đổi quan điểm đề nghị nếu anh T nuôi con chung mà không cần chị cấp dưỡng thì chị cũng nhất trí và anh chị sẽ tự giải quyết về vấn đề cấp dưỡng cho con sau này khi có tranh chấp. Anh T xác định nếu chị L cố tình ly hôn thì anh không đồng ý cho chị L nuôi con và anh nuôi con không cần chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Anh chị thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện. Chị xác định mâu thuẫn giữa anh chị kéo dài và không thể khắc phục nên tình cảm không còn do vậy không thể chung sống có hạnh phúc và chị xin ly hôn. Ly hôn, chị muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Hà M là con chung của anh chị

nhưng do trong quá trình chị đi xuất khẩu lao động cháu M ở cùng anh T và vẫn được anh chăm sóc tốt, anh T vẫn muốn tiếp tục nuôi con nên chị tự nguyện để cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu M cho đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không cần nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để sau này nếu cần anh chị giải quyết sau. Ngoài ra chị vẫn giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã trình bày tại Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị L với anh Nguyễn Xuân T.

Về con: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Xuân T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Hà M, sinh ngày 02/7/2012. Ly hôn, giao cháu Nguyễn Ngọc Hà M cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu M thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung các bên tự giải quyết không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Chị L có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản của vợ chồng: Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Xuân T có lời khai xác định anh không tham gia các quá trình tố tụng tại Tòa án, khi Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng anh nhận nhưng không ký. Anh T đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Xuân T: Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NX, huyện CK, tỉnh Phú Thọ ngày 23/8/2011 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn anh chị thuê nhà tại NH, ĐA, Hà Nội để ở cho đến khi xảy ra mâu thuẫn. Theo chị L trình bày, anh chị đã có mâu thuẫn với nhau từ trước khi chị đi xuất khẩu lao động nên chị mới quyết

định đi xuất khẩu lao động để cả hai có thời gian xem xét lại mình. Tuy nhiên trong thời gian chị xa nhà thì giữa anh chị vẫn tiếp tục nảy sinh những mâu thuẫn mới và ngày càng căng thẳng, đỉnh điểm là khi chị về nước anh chị vẫn không nói chuyện, giải quyết được mâu thuẫn với nhau mà tiếp tục sống ly thân. Anh T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L ngoại tình nhưng anh không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho Tòa án và bản thân anh tuy không đồng ý ly hôn nhưng xác định không tham gia tố tụng, không trình bày và ký kết thêm bất kỳ văn bản nào của Tòa án ngoài bản tự khai anh đã viết và lý do anh không đồng ý ly hôn chỉ là vì anh không muốn ảnh hưởng đến con, do vậy Tòa án không làm rõ hơn được ý kiến, quan điểm của anh. Qua ý kiến của anh chị và xác minh nhận thấy thời gian anh chị mâu thuẫn là từ khi chị L bắt đầu đi xuất khẩu lao động vào khoảng cuối năm năm 2015, đầu năm 2016. Sau khi chị L về nước anh chị vẫn mâu thuẫn và sống ly thân dù đã được gia đình hai bên hoà giải, dàn xếp nhưng không khắc phục được mâu thuẫn nên vợ chồng không ở cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L xin ly hôn, anh T xác định không đồng ý ly hôn nhưng lý do anh không đồng ý ly hôn chỉ là vì sợ ảnh hưởng đến con chứ không phải vì anh còn tình cảm với chị. Hơn nữa, dù không đồng ý ly hôn nhưng anh T không trình bày các ý kiến đưa ra các biện pháp khắc phục mâu thuẫn, cải thiện quan hệ vợ chồng và anh từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án kể cả việc Tòa án báo đến hòa giải anh cũng không đến tham gia cho thấy anh T không thực tâm muốn đoàn tụ cùng chị L. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị L với anh Nguyễn Xuân T là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh chị thống nhất trình bày vợ chồng có một con chung là: Nguyễn Ngọc Hà M, sinh ngày 02/7/2012. Cháu khỏe mạnh, bình thường và hiện đang ở cùng anh T. Cháu M vẫn ở cùng anh T từ khi chị L đi xuất khẩu lao động cho đến nay. Chị L cũng có quan điểm do anh T vẫn muốn tiếp tục nuôi cháu M và bản thân anh vẫn nuôi cháu từ khi chị đi nước ngoài cho đến nay nên chị nhất trí để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu M. Về cấp dưỡng nuôi con chung do anh T xác định không cần nên chị đề nghị Tòa án không phải giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con mà để anh chị tự giải quyết. Do vậy khi sau ly hôn, giao cháu M cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu M thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp quy định của pháp luật. Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung do các bên không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản của vợ chồng: Anh chị cùng có ý kiến xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Tòa án không giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, chị Phạm Thị L là nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 88 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L xin ly hôn anh Nguyễn Xuân T. Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Xuân T có một con chung là: Nguyễn Ngọc Hà M, sinh ngày 02/7/2012. Ly hôn, giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị Phạm Thị L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng chị Phạm Thị L phải chịu để sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008340 ngày 15/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Án xử công khai sơ thẩm chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã NX, huyện CK, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thanh

